

Niệm Phật luận

Trạm Sơn Đàm Hư đại sư giảng, Đại Quang ghi
(địch theo Niệm Phật Luận, bản in lần thứ 5 của Hoa Tạng Tịnh Tông Học Hội,
ấn hành tại Đài Bắc, tháng hai Trung Hoa Dân quốc năm thứ 84 (1995))

Dẫn nhập: Đàm Hư pháp sư (1875-1963) là người huyện Ninh Hà, tỉnh Hà Bắc, họ Vương, húy Phước Đình, pháp hiệu Long Hàm, pháp tự Đàm Hư. Năm 17 tuổi, sư vâng lệnh cha kết hôn sanh được 5 người con. Sư sống bằng nghề nông và mua bán nhỏ, sau học nghề thuốc. Năm 40 tuổi, sư nghe giảng kinh Pháp Hoa liền phát tâm xuất gia. Năm 1917, nhờ sự hướng dẫn của pháp sư Thanh Trì, sư xuất gia với ngài Ấn Khôi ở chùa Cao Minh, Lai Thủy. Năm sau, sư thọ giới và học Thiên Thai giáo quán với pháp sư Đế Nhân ở chùa Quán Tông, Ninh Ba (Triết Giang). Năm 1925, sư được ngài Đế Nhân phó pháp, là đời thứ 44 tông Thiên Thai, hiệu là Kim Hàm. Sau đó, sư hoằng pháp ở Đông Bắc Trung Hoa và kiến lập nhiều chùa như chùa Cực Lạc (Cáp Nhĩ Tân), chùa Lăng Nghiêm ở Doanh Khẩu.. Về sau, sư trụ trì chùa Trạm Sơn ở Thanh Đảo, lấy hiệu Trạm Sơn Lão Nhân. Về già, sư hoằng pháp ở Hương Cảng, sáng lập thư viện Phật giáo Trung Hoa, Phật học viện Hoa Nam. Sư đặc biệt khuyến tấn tứ chúng đệ tử dùng pháp môn niệm Phật làm chánh hạnh.. Tác phẩm Niệm Phật Luận dưới đây thật ra là một bài giảng tại Phật học viện Hoa Nam, được đệ tử của sư là ngài Đại Quang ghi lại, và đặt tựa là Niệm Phật Luận. Nhận thấy, bài giảng này tuy dành cho hàng sơ cơ học Phật nhưng rất thiết thực về pháp môn Tịnh Độ, chúng tôi mạo muội chuyển ngữ sang tiếng Việt với ước mong bản dịch nháp này sẽ giúp cho các bạn đồng tu tịnh nghiệp củng cố thêm niềm tin vào bản nguyện vô biên của đấng Từ Phụ A Di Đà, hạnh, nguyện càng thêm kiên cố, thiết tha.

Phật pháp bắt nguồn từ Ấn Độ, truyền đến Trung Quốc cho đến các nước trên thế giới. Mục đích của đạo Phật chẳng ngoài mục đích khiến người giác ngộ tự tâm, lìa khổ được vui. Phật có nghĩa là giác, tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Lại nữa, Phật dùng từ bi làm gốc: từ hay ban vui, bi hay cứu khổ.

Đức Phật xuất thế, thuyết pháp bốn mươi chín năm, người đời sau kết tập lại thành tam tạng, mười hai bộ (1). Bởi chúng sanh căn tánh chẳng đồng nhất, nên giáo pháp mỗi hạng lãnh thọ cũng khác biệt. Sau khi truyền tới Trung Quốc, nói chung, lại chia thành năm tông lớn: Tông (Thiền), Giáo, Luật, Mật, Tịnh. Ý Phật chẳng riêng chia thành năm tông lớn ấy. Xét trong kinh Phật, cũng chẳng thấy đề cập đến tông nào, phái nào. Chỉ là để phù hợp căn tánh chúng sanh, theo xu thế tự nhiên, người đời sau tiếp nối tiền nhân, mỗi mỗi tự đề cao sở học, mới lập thành năm tông lớn đó.

Trong năm tông lớn, Tông môn là giáo ngoại biệt truyền (truyền riêng ngoài giáo), chuyên dụng công tu thiền, trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật. Trong Giáo môn, trước hết phải ngộ rồi mới tu, do tu mà chứng. Luật tông chuyên trì giới luật của Phật, trước để gìn giữ thân, sau là nhiếp tâm, như năm giới, mười giới, hai trăm năm mươi giới, bồ tát giới, tam tụ tịnh giới v.v.. Do giới luật nghiêm tịnh, nên có thể do giới sanh định, bởi định phát huệ. Mật tông lại chuyên môn trì chú, điều chú trọng nhất là phải tam mật tương ưng.

So ra, với người sơ cơ nhập đạo, bốn tông này đều hơi khó tu tập. Chỉ riêng có tông Tịnh Độ là đơn giản nhất, là tắt gọn nhất, chỉ kiên trì một câu nam mô A Di Đà Phật, niệm tới nhất tâm bất loạn, liền được đức Phật tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc, bất kể lợi căn hay độn căn đều nhiếp thọ hết cả.

Tu pháp môn Tịnh Độ, sự hành trì duy nhất là thành tâm niệm Phật. Giả như có kẻ đến hỏi: Vì sao phải niệm Phật? Trước hết, hãy căn cứ vào nghĩa chữ để giải thích hai chữ Niệm Phật. Chữ Niệm là do chữ Kim và chữ Tâm hợp thành. Tách ra thành kim tâm (cái tâm hiện tại), còn gộp lại thì thành chữ Niệm. Phật là tiếng Phạn, nói đầy đủ là Phật Đà Da. Nếu nói theo tiếng Tàu, thì có nghĩa là giác ngộ, cũng nghĩa là Minh Bạch. Niệm Phật phù hợp khả năng của mỗi người, và ai cũng có thể niệm được. Ý nghĩa của việc niệm Phật là cầu sao cho một niệm tâm hiện tiền được giác ngộ và minh bạch. Một niệm đầy đủ mười pháp giới, tức là: ‘thập thế cổ kim, bất ly đương niệm. Vi trần sát độ bất cách hào đoan’ (Mười đời xưa nay, chẳng ngoài cái niệm hiện tại. Vi trần cõi nước chẳng bị ngăn ngại dấu chỉ bằng mây lông). Như nếu có thể phát tâm niệm Phật thì một niệm niệm Phật, một niệm giác ngộ. Niệm niệm niệm Phật, niệm niệm giác ngộ. Một niệm niệm Phật, một niệm minh bạch. Niệm niệm niệm Phật, niệm niệm minh bạch. Có ai chẳng mong được giác ngộ? Ai lại chẳng nguyện được minh bạch? Hiềm vì con người chỉ nói, mong giác ngộ nơi đầu môi chót lưỡi. Mong được minh bạch mà trong tâm vẫn chứa toàn ý tưởng hồ đồ. Do trong tâm có ý tưởng hồ đồ, thân bèn làm chuyện hồ đồ. Ý tưởng hồ đồ là gì? Chính là ba nghiệp của ý: tham, sân, si. Chuyện hồ đồ là gì? Chính là ba nghiệp của thân: giết, trộm, dâm và bốn nghiệp của miệng: nói dối, nói ác, nói dối, nói thêu dệt. Do ba nghiệp thân, miệng, ý chẳng tịnh, nên suốt ngày sáu căn va chạm sáu trần, phân biệt thanh, sắc, tài lợi, thị phi, tốt xấu, dựa vào những điều mình hay, mình biết để suy lường.

Niệm Phật là đổi cái sống lấy cái chết, buông bỏ những cái hay biết như vậy, rời bỏ cả năng giác, năng tri, để khôi phục bốn giác, bốn tri. Khôi phục được bốn giác thì có thể thành Phật. Thành Phật cũng chẳng phải là thêm cái gì khác từ ngoài vào [bốn giác]. Chỉ cần công phu niệm Phật, niệm cho đến khi thành một phiến, khiến bất cứ thứ gì như nhóp trong tâm đều bị tẩy sạch cả. Những thứ bản nhóp đã trừ sạch rồi, Phật tánh liền hiện tiền.

Tâm con người vốn là giác ngộ, là quang minh, thể của tâm châu biến pháp giới. Chỉ do cái tối tăm vô thi khởi lên, tâm bị sáu trần che lấp, tri giác của chúng

ta thiên chấp một bề, chỉ biết đến cái ngã nhỏ bé của sắc thân mà làm lạc cái giác tánh đại ngã của tận hư không khắp pháp giới. Nào biết đâu rằng cái thân thể được xem là Ngã ấy chỉ là bảy đại: đất, nước, gió, lửa, không, căn, thức, giả hợp thành. Nếu đem những thứ ấy tách rời ra, thân thể này chẳng còn tồn tại. Ví dụ như: da, thịt, gân xương thuộc về địa đại, máu huyết, tân dịch thuộc về thủy đại. Mát, nóng, ẩm, đung chạm thuộc về hỏa đại. Khí lực động chuyển thuộc về phong đại. Hư không trong ngoài thân thuộc về không đại (Nếu chẳng có hư không, con người chết sạch!). Ngoài ra còn phải có sáu căn, tức là mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý là thuộc về căn đại. Trong mỗi căn lại có một thức là thuộc về thức đại. Nếu tách riêng những thứ này, mỗi cá nhân còn chẳng tồn tại, huống là có Ngã ư? Do những thứ trên giả hợp thành mà có một cái Ngã. Thật sự, thân này chẳng qua là một cái túi da thôi đựng đầy những thứ tanh hôi, thối nát, như bản.

Giả như đang lúc chúng ta giảng pháp đây, chợt có kẻ cầm một cái dây da đựng đầy phân, buộc chặt miệng dây, xách vào đây, chúng ta ai cũng cho đó là vật như nhớp, bịt mũi sợ thối, tránh thật xa hoặc gấp đem vứt bỏ đi, cho là thứ ghê tởm. Kỳ thật, mỗi người chúng ta đều là những cái túi da thối. Cái dây chứa đầy phân như ấy đem so với những cái túi da thối của chúng ta còn sạch sẽ hơn. Bởi vì cái dây da thối ấy còn được buộc chặt miệng, còn những cái túi da thối của chúng ta, trên dưới đều mở toang hoác, tuôn nòng xú khí, như ta thường nói: ‘Cửu khiếu thường lưu bất tịnh’ (chín lỗ thường tuôn thứ bất tịnh). Khổ nỗi, con người luôn cho rằng cái túi da thối này chính là mình, lại vô cùng yêu mến, trang điểm, tắm gội gìn giữ nó. Nếu dùng Phật nhãn để xem, mới thấy thật là ngu si, điên đảo! Quý vị nên biết: cái thân này của ta, ai cũng cho là ta, thật ra chẳng phải là ta, chỉ là vật để ta sử dụng... Nên trước chữ ta thêm vào chữ của, để thành chữ ‘của ta’, vì thân thể này chỉ là một bộ phận của mình. Như mỗi vật có công dụng riêng, khi nào cần dùng thì sử dụng, khi không cần thì chẳng màng đến, chẳng bị nó làm phiền. Nếu chẳng dẹp được nó qua một bên, sẽ bị vướng mắc vào nó.

Thói thường, ta xem thân thể này là ta, cái gì ngoài ta thì là người. Nhiều cái ta và người ấy hợp thành chúng sanh. Mỗi chúng sanh lại mong sống lâu, liên tục chẳng dứt, đó là thọ giả. Thật ra đều là giả danh, giả tướng. Tỉ như, ta, người đều là giả đối đãi, là pháp đối đãi: do có người nên có ta, do có ta mà có người. Chúng sanh là nhân thành giả: giả nhờ vào cái nhân của chúng sanh (nghiệp) mà thành. Thọ giả là tương tục giả, do ta, người, chúng sanh tiếp nối. Nếu lia khỏi được những [vọng niệm] ấy, nào có cái ngã thật?

Hưởng nữa, ngã có nghĩa là chủ tử, mà ta chẳng làm chủ được cái thân này. Ví như: khi đói, không ăn không được. Khi khát, không uống không xong. Khi thọ mạng hết, phải chết, chẳng chết chẳng được. Mất chạm phải cái gì đẹp, chẳng thể không nhìn sơ vài cái. Gặp phải cảnh ngũ dục, khó lòng chẳng hưởng thụ. Do vậy, cái ý nghĩa chủ tử đã chẳng còn. Phải biết: ăn, uống, hưởng thọ chỉ là cách để duy trì sanh mạng. Sanh mạng thì có sanh, có diệt. Ngoài sanh mạng ra, con người còn

có huệ mạng vĩnh viễn chẳng sanh diệt. Huệ mạng vĩnh viễn chẳng sanh diệt là gì? Chính là tánh tri giác vốn có của mỗi người. Tánh tri giác ấy tuy không hình tướng, nhưng lại cùng khắp hư không, trọn pháp giới, không nơi nào chẳng có, như thường nói: ‘Không sanh đại giác trung, như hải nhất âu phát’ (Cái không sanh trong đại giác, như một bọt nước trong biển rộng).

Niệm Phật là bồi dưỡng pháp thân tuệ mạng của chính mình, nương Phật lực, nương tự lực, cầu sanh Tây phương Cực Lạc thế giới, khai Phật tri kiến, khôi phục tánh bản thể của chính mình.

Các vị tổ sư trong quá khứ như: Thiên Thai Trí Giả đại sư, Vĩnh Minh Diên Thọ thiên sư, Ngẫu Ích đại sư, Triệt Ngô thiên sư.. cuối cùng đều quy hướng Tịnh độ, chuyên môn niệm Phật. Vì nếu tu theo những tông khác, phần nhiều căn khí chẳng thích hợp, hoặc chẳng gặp được người tài diu dắt, vì chút lầm lẫn mà đi trệch đường. Còn người niệm Phật, chỉ cần tín, nguyện, hạnh đầy đủ, vững vàng mà niệm, lại nương vào Phật lực, nương vào sức mình, trọn chẳng lầm nẻo. Vì vậy, pháp môn niệm Phật được coi là tiện lợi nhất, thẳng lẹ nhất. Tu các tông khác đều phải cậy vào sức mình, lia được hoặc (2) rồi mới có thể chứng chơn. Nói thật dễ, còn thật tế, nếu chẳng có công phu tương xứng thời chẳng dễ làm nổi. Tu pháp môn Tịnh Độ có một điểm hết sức đặc biệt là có thể đời nghiệp vãng sanh.(3) Sau khi đã sanh về Cực Lạc thế giới, nương vào sức của Phật A Di Đà, và của Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí bồ tát và các vị thượng thiện nhân cùng ngụ một chỗ, cùng chung huân tu, dần dần sẽ có thể đạt nghiệp tận, tình không. Từ cõi Phạm Thánh Đồng Cư đạt đến cõi Phương Tiện Hữu Dư, từ Phương Tiện Hữu Dư đạt đến Thật Báo Trang Nghiêm độ. Từ Thật Báo Trang Nghiêm độ thẳng đến Thường Tịch Quang Tịnh Độ, được thấy Phật chơn thân. Đây là căn cứ vào hạng căn tánh mỏng kém mà nói. Còn nếu là bậc căn tánh thượng thừa, chẳng kể sanh vào một cõi nào đều có thể thấy trọn bốn cõi tịnh độ.

Một điều hay của việc niệm Phật cầu vãng sanh là chỉ cần sanh về Tây phương Cực Lạc thế giới, vĩnh viễn chẳng đọa lạc nữa, vĩnh viễn chẳng tạo nghiệp nữa. Tự mình có thể dần dần gia công tinh tấn tu hành, cho đến khi thành Phật độ chúng sanh mới thôi. Tu các tông khác tất nhiên cũng rất tốt, chẳng nên hủy báng. Chỉ hiềm nếu chẳng tu đến chỗ rốt ráo, rất có thể bị đọa lạc. Như khi xưa, ba vị bồ tát: Vô Trước, Thế Thân, Sư Tử Giác, lúc ban đầu chí đồng đạo hợp, cùng phát nguyện tu Duy Thức Quán nhằm sanh về nội viện trời Đâu Suất gặp mặt Di Lạc Bồ Tát, cùng hẹn ước: ‘Ai sanh lên trước, sẽ trở về báo tin’. Sau đó, ngài Sư Tử Giác viên tịch trước, cả ba năm chẳng thấy trở về báo tin. Ba năm sau, ngài Thế Thân lại viên tịch, lúc lâm chung, ngài Vô Trước dặn dò: ‘Ông lên trời gặp ngài Di Lạc xong, không cần biết thế nào, phải trở về báo tin ngay’. Thế Thân tịch rồi, ba năm sau mới trở về. Ngài Vô Trước hỏi: ‘Ông làm cái gì mà lâu thế mới trở lại?’ Ngài Thế Thân nói: ‘Tôi tới Đâu Suất nội viện, nghe ngài Di Lạc giảng một thời pháp, lay xong ba lay, nhiều một vòng xong liền trở về. Bởi trên đó ngày đêm dài lâu, mới

có một chút mà dưới nhân gian đã qua ba năm’. Ngài Vô Trước lại hỏi: ‘Ông Sư Tử Giác hiện ở đâu, làm gì mà chẳng trở về báo tin?’ Thế Thân nói: ‘Ông ấy sanh lên trời mới đến Đâu Suất ngoại viện, chưa vào đến nội viện, bị ngũ dục ràng buộc, hiện còn chưa gặp mặt ngài Di Lạc nữa’. Ngài Vô Trước nghe xong, biết sanh lên trời rất nguy hiểm, lại phát nguyện mới, chẳng sanh lên trời, nguyện sanh Cực Lạc (xem dẫn chứng trong Tịnh Độ Thập Nghi Luận của ngài Trí Giả). Xin thử nghĩ xem: ngài Sư Tử Giác đã bậc đạt địa vị Đại Thừa bồ tát, nơi thiên cung còn bị ngũ dục ràng buộc, thật rất nguy hiểm vậy! Những kẻ khác nếu như tu công phu thiên định, nếu chẳng vượt khỏi tam giới, chẳng luận sanh lên cõi trời nào, chờ khi hưởng hết phước trời xong, ắt phải đọa lạc, theo nghiệp thọ báo! Như truyện ti kheo Vô Văn chép trong kinh Lăng Nghiêm cũng là một thí dụ rất tốt.

Người niệm Phật không mắc phải những nguy hiểm ấy. Chẳng phải đã có hai câu thơ như sau u:

Dù tu lên được Phi Phi Tướng

Chẳng bằng sanh về cõi Tây Phương.

Nghĩa là: sanh được lên trời Phi Phi Tướng thuộc Tứ Không Thiên, thọ tận, phước hết, ắt phải đọa lạc, chẳng như sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, ở trong đài hoa sen chín phẩm. Dù có sanh trong hạ phẩm, cũng dần dần chứng được thượng thượng phẩm, so với sanh về trời Phi Phi Tướng thật tốt hơn nhiều.

Trong hạn kỳ niệm Phật, mỗi ngày nên bắt đầu bằng việc tụng kinh Di Đà. Trong nhà chùa, vào công phu tối, mỗi ngày cũng nên niệm kinh Di Đà. Niệm một biến kinh là đem cảnh giới y báo, chánh báo trang nghiêm của thế giới Cực Lạc huân tập vào tâm một biến, quán tưởng sao cho thành một thứ quán niệm về cõi Tây phương Cực Lạc. Cũng giống như chiếu phim: niệm một biến là đem hình ảnh cõi Tây phương Cực Lạc chiếu lên tấm màn tâm thức một lần. Lâu ngày chày tháng, những thứ xúc chạm sáu căn đều là cảnh giới tối thắng của thế giới Cực Lạc: diệu tướng trang nghiêm. Ngay hiện tại, tuy chưa sanh về Cực Lạc thế giới mà tâm đã gọi về đây, đã sớm bị cảnh giới Tây phương Cực Lạc thế giới bao trọn. Vô hình trung, ý thức của người tu đã thấm đẫm cảnh giới diệu tướng trang nghiêm. Đến khi lâm chung, huân nghiệp hiện tiền, thánh hiệu A Di Đà Phật trì tụng hàng ngày, các hình thánh tượng, ngay khi ấy, thật sự hiện thân đến tiếp dẫn kẻ ấy. Điều nghĩ tưởng hàng ngày: cảnh thanh tịnh màu nhiệm của Tây phương Cực Lạc thế giới ẩn sẵn trong tâm ngay trong một sát na, sẽ hóa hiện ngay trước mắt.

Như câu nói: Tự tánh Di Đà, duy tâm tịnh độ. Chúng sanh là Phật, Phật là chúng sanh, đâu đâu chẳng phải là tánh trọn đủ. Tâm tức độ, độ tức tâm, đâu chẳng là duy tâm sở hiện thì cái công phu niệm Phật là như thế nào? Nếu như tín, nguyện, hạnh kiên cố chẳng dời đổi, tự tánh với Phật tánh hòa thành một khối, há chẳng phải là ngay khi ấy, tự tánh chính là Phật tánh, Phật tánh chính là tự tánh. Phật đầy đủ vô lượng thọ, chúng sanh cũng đầy đủ vô lượng thọ. Phật đầy đủ vô lượng

quang, chúng sanh cũng đầy đủ vô lượng quang. A Di Đà Phật có hai thứ: y báo, chánh báo Tây Phương Cực Lạc thế giới, hảo tướng trang nghiêm. Chúng sanh cũng có hai thứ báo y, chánh, tướng hảo trang nghiêm. Trong kinh A Di Đà chép: ‘Đều là do đức A Di Đà Phật muốn cho pháp âm tuyên lưu biến hóa nên làm ra như vậy’. Theo như câu kinh trên, có thể chứng minh rằng các cảnh giới nơi Tây phương Cực Lạc đều do phước đức nghiệp tướng của Phật A Di Đà, duy tâm sở hiện. Nếu như Phật A Di Đà có thể hiện như vậy, bởi chúng sanh tánh và Phật tánh tương đồng, không có lý nào chúng sanh chẳng hiện được như vậy ! Vì vậy, nói theo tự tánh thì là Di Đà, nói theo duy tâm thì là tịnh độ. Xét theo tánh, trọn chẳng thể phân định được biên giới giữa Phật và chúng sanh. Xét về Tịnh Độ cũng chẳng thấy đâu là duy tâm, đâu là phi tâm. Phật Di Đà ở phương Tây cùng Phật Di Đà của tự tánh, tịnh độ ở phương Tây và duy tâm tịnh độ đều chỉ là một. Cần phải hiểu rõ cái duy tâm vừa được nói đó trọn chẳng phải là cái vọng tâm phản chiếu sáu trần qua sáu căn, mà [duy tâm] là chỉ cho pháp pháp duy tâm. Tự tánh vừa nói ấy trọn chẳng phải là tập tánh nơi thân người do tứ đại giả hợp thành, mà chính là tự tánh vốn có của chúng sanh. Người niệm Phật mỗi ngày niệm kinh Di Đà, đối với điểm này, cần phải hiểu rõ, để thêm kiên cố tín tâm.

Kinh A Di Đà do đức Phật Thích Ca chẳng ai hỏi mà tự nói. Trong kinh giảng về Tây phương Cực Lạc thế giới: hai thứ y báo, chánh báo trang nghiêm và niệm Phật sanh Tây phương. Ý nghĩa kinh này tương đồng với kinh Pháp Hoa. Vì kinh Pháp Hoa, Phật cũng hướng về ngài Xá Lợi Phất, chẳng ai hỏi mà tự nói. Phật nói kinh Vô Lượng Nghĩa xong, liền nhập vào Vô Lượng Nghĩa Xứ tam muội, thân tâm bất động, phóng ánh sáng từ tướng bạch hào giữa mày, chiếu thấu một vạn tám ngàn cõi ở phương Đông, hiện ra các thứ tướng lành, khiến cho đại chúng khởi lên các mối nghi ngờ. Cho đến khi ngài Di Lạc bồ tát và Văn Thù Bồ Tát giải quyết mối nghi xong, Phật liền từ tam muội an tường mà dậy, chẳng cần ai thưa hỏi, mở miệng bảo tôn giả Xá Lợi Phất rằng: ‘Trí tuệ của chư Phật rất sâu vô lượng. Môn trí huệ của chư Phật khó hiểu, khó nhập. Hết thầy Thanh Văn, Bích Chi Phật chẳng biết được nổi... thành tựu pháp vị tăng hữu rất sâu... Nói tóm lại là các pháp vô lượng, vô biên, chưa từng có, Phật đều thành tựu được’.

Ta thường nói: ‘Kinh Pháp Hoa là kinh A Di Đà nói rộng, kinh A Di Đà là kinh Pháp Hoa nói lược’. Hai bộ kinh này đều giảng: sự tức lý (4), chẳng giống với những kinh khác giảng nhiều về danh từ pháp tướng khiến người ngộ lý mà tu hành. Còn hai kinh này toàn giảng về hiện lượng tâm, quán hiện lượng cảnh (5). Nếu như quý vị nghiên cứu kinh Pháp Hoa và kinh Di Đà kỹ lưỡng, đem nghĩa lý hai kinh đối chiếu sẽ thấy rõ ràng.

Kinh Pháp Hoa gồm 7 quyển, 28 phẩm, mười bốn phẩm đầu là khai quyền hiển thật (mở phương tiện quyền biến để hiển lộ thật tánh), mười bốn phẩm kế đó là khai cận hiển viên (mở bày cái gần để hiển thị cái xa), đều là giảng về pháp tối thượng thừa. Còn như kinh Di Đà dạy: ‘Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe

nói về Phật A Di Đà, chấp trì danh hiệu của ngài hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, nhất tâm bất loạn, người ấy lúc lâm chung, A Di Đà Phật và các thánh chúng hiện trước người ấy. Người ấy lúc lâm chung, tâm chẳng điên đảo, liền được vãng sanh cõi nước Cực Lạc của Phật A Di Đà'. Trong kinh Pháp Hoa, phẩm 23 là phẩm Dược Vương Bồ Tát chép: 'Nghe kinh điển này, tu hành đúng như lời dạy, khi mạng này hết, liền sanh về thế giới An Lạc, A Di Đà Phật, các đại Bồ Tát vây quanh chỗ người ấy, sanh trong hoa sen trên tòa hoa báu'. Ý nghĩa hai đoạn kinh trên tương đồng.

Ngoài ra, kinh A Di Đà nói về cõi nước trang nghiêm, thọ mạng của Phật, quang minh của Phật, và sáu phương chư Phật hộ niệm v.v.. Tuy so với kinh Pháp Hoa thì văn từ có rộng lược sai khác, nhưng cảnh giới cùng ý nghĩa thật chẳng khác biệt. Vì vậy, một câu A Di Đà Phật là pháp tối thượng thừa, bao quát vô lượng pháp môn vậy.

Với một câu A Di Đà Phật mà niệm được tương ưng, thì ngay lập tức sáu căn thanh tịnh. Chẳng hạn như: ngay trong khi niệm Phật, mắt thường thấy Phật là nhãn căn thanh tịnh. Tai nghe tiếng mình cùng đại chúng niệm Phật là nhĩ căn thanh tịnh. Mũi ngửi mùi hương trong lư là tị căn thanh tịnh. Đầu lưỡi động đậy niệm Phật là thiệt căn thanh tịnh. Thân thể ở trong đạo tràng thanh tịnh, ngày ngày đối Phật lễ Phật là thân căn thanh tịnh. Niệm Phật, lễ Phật, trong tâm tưởng Phật là ý căn thanh tịnh. Sáu căn thanh tịnh thì ba nghiệp thanh tịnh. Ba nghiệp thanh tịnh thì thân chẳng tạo giết, trộm, dâm, miệng chẳng nói dối, ác khẩu, nói dối, nói thêu dệt, ý chẳng khởi tham, sân, si, đây chính là mười thiện nghiệp. Người tu hành thật chẳng dễ dàng đối trị ba nghiệp thân, miệng, ý. Vậy mà một câu A Di Đà Phật lại có thể gìn giữ, thúc liễm ba nghiệp. Dần dần, quán niệm thành thực, cái nhân thanh tịnh tăng trưởng, lúc mạng sắp dứt, quyết định vãng sanh Cực Lạc.

Người đời thường cho rằng thành Phật là một việc khó, thật ra chẳng khó. Phật và chúng sanh đều do công phu quán niệm mà thành. Phật trong một niệm trọn vẹn mười pháp giới, chúng sanh trong một niệm cũng đủ đầy mười pháp giới. Nếu một niệm tham tâm khởi lên, thì là ngã quý. Một niệm sân tâm khởi lên thì là địa ngục. Một niệm si tâm khởi lên thì là súc sanh. Một niệm nghi mạn tâm khởi lên thì tu la. Một niệm nghĩ đến ngũ thường (6), ngũ giới thì chuyển vào nhân đạo. Một niệm hướng về thượng phẩm thập thiện, thì sanh lên trời. Nếu dùng tứ đế để quán niệm, thì là thanh văn. Nếu dùng mười hai nhân duyên để quán niệm thì là duyên giác. Dùng lục độ để quán niệm thì là Bồ Tát. Dùng tự lợi, lợi tha, vạn hạnh bình đẳng để quán niệm thì là Phật. Lại người thế gian ai nấy đều có quán niệm. Như: sĩ, nông, công, thương, quân, chánh, cảnh (cảnh sát), học (sinh viên, học sinh), lúc ban đầu đều do quán niệm tạo thành. Quán niệm điều gì? [Quán] bản thân sẽ thành hạng người nào. Người niệm Phật cũng giống vậy. Hằng ngày, mắt nhìn thấy Phật, miệng niệm Phật, thân lễ bái Phật, tâm tưởng Phật, tai nghe Phật hiệu, thời thời

khắc khắc quán niệm việc vãng sanh Cực Lạc thế giới. Do bởi vậy, quyết định được sanh về Tây phương Cực Lạc thế giới, cũng có thể quyết định thành Phật.

Như phần trên đã nói, Phật giáo Trung Quốc, trong xu thế tự nhiên, qua các đời chia thành tông phái, như: Thiên Thai tông, Hiền Thủ tông (7), Pháp Tướng tông (cũng gọi là Từ Ân Tông (8), hoặc Duy Thức tông), Tịnh Độ tông, Chơn Ngôn tông, Thiền tông, Luật tông v.v.. Đó đều là người đời sau vì quan hệ truyền thừa và tu học chuyên biệt mà lập ra. Trong các tông phái trên, các tông phái khác đều có đặc điểm riêng, chỉ có cách hành trì và giáo nghĩa của Tịnh Độ tông và Luật tông thâm nhập được vào các tông phái khác, được các tông phái khác sử dụng, lại được bày chúng đệ tử của Phật cùng tu học. Ví như tông Thiên Thai, tông Hiền Thủ, tông Tam Luận, tông Pháp Tướng mỗi tông pháp giáo khác biệt, cách tu quán mỗi tông cũng khác. Nhưng nói chung, các môn đều xem tu tịnh độ là tiện lợi nhất, đều cho rằng niệm Phật thành Phật. Ngay cả Thiền tông, cũng phải tham câu: ‘Ai là người niệm Phật?’ Vô luận là kẻ xuất gia, tại gia, vô luận động cơ học Phật là gì, thì mục tiêu duy nhất của kẻ học Phật chẳng ngoài việc niệm Phật thành Phật. Đồng thời, trong quá trình học Phật thành Phật, lại phải tuân thủ giới luật thanh tịnh của Phật. Chẳng hạn như trong các đại tông lâm Nam, Bắc Trung Hoa, chẳng cần biết là tông hay phái nào, mỗi ngày hai phen lên điện nhiều Phật đều niệm Nam Mô A Di Đà Phật, mở miệng nói năng, thưa thốt đều niệm Nam Mô A Di Đà Phật. Đương nhiên mục đích tối hậu chẳng ngoài việc sanh Tây phương Cực Lạc thế giới, gặp Phật, thành Phật. Từ đó, có thể thấy rằng pháp môn niệm Phật rất tiện lợi lại phổ thông.

Lại nữa, giới luật nhà Phật cũng là việc khẩn yếu nhất. Phật pháp có hưng thịnh hay không toàn cậy vào người học Phật có giữ gìn giới luật hay không. Nếu như ai nấy tuân thủ giới luật nhà Phật, Phật pháp mới có thể tồn tại lâu dài trong đời. Nếu chẳng như thế, Phật pháp ắt phải tàn diệt theo thời gian.

Khi Phật còn tại thế, ngài luôn dùng thân mình làm pháp tắc, ai nấy thờ Phật làm thầy. Sau khi Phật diệt độ, mọi người lấy giới làm thầy. Lúc Phật sắp nhập diệt, tứ chúng đệ tử thỉnh Phật ở lại đời, vây quanh hai bên đức Phật, ôm đầu than khóc. Lúc ấy Vô Bần (9) tôn giả, trong lúc quá mức đau thương, đột nhiên nghĩ rằng: ‘Lúc Phật còn tại thế, mọi người y chỉ nơi Phật. Khi Phật nhập diệt rồi, muốn cho Phật pháp tồn tại lâu nơi đời, còn có nhiều việc cần phải nhân lúc Phật còn tại thế mà hỏi cho minh bạch’. Khi ấy, A Nan tôn giả cũng đứng bên Phật bung mặt khóc lóc xót xa, bởi ngài là người thường theo Phật, là người truyền trì Phật pháp. Đức Phật mỗi khi thuyết pháp, ngài luôn là thị giả của Phật. Vì vậy, Vô Bần tôn giả bảo tôn giả A Nan hỏi đức Phật bốn điều. Trong bốn điều ấy, hai điều đầu là: một, khi Phật tại thế, mọi người nương vào Phật mà trụ, sau khi Phật nhập diệt, nương vào đâu mà trụ? Hai, lúc Phật tại thế, mọi người thờ Phật làm thầy, sau khi Phật diệt độ, nên lấy gì làm thầy? A Nan đem bốn điều ấy hỏi Phật. Phật dạy: ‘Sau

khi ta diệt độ, nương vào tứ niệm xứ mà trụ, lấy giới làm thầy'. Từ đây, có thể thấy giới luật đối với hậu thế quan trọng đến thế nào.

Hễ là Phật đệ tử, đều phải tuân thủ giới luật nhà Phật. Ví như chẳng thể giữ trọn các giới, cũng phải nghiêm giữ các giới khẩn yếu. Trì nghiêm nhất một vài giới còn hơn giữ hời hợt các giới. Các đại tông lâm Nam, Bắc, nơi nào cũng có quy củ, nơi nào cũng có gia phong. Những quy củ, gia phong ấy chỉ là những giới luật được mọi người tuân thủ. Thử hỏi có chùa, miếu, am đường nào lại chẳng có quy củ? Ngay cả việc ứng xử, đi đứng hằng ngày của mỗi người cũng có những giới hạn, quy ước nhất định. Bởi vậy, trì giới và niệm Phật trọng yếu như nhau.

Hiện tại, Hoàng Nhất pháp sư bên Luật tông, tuy ngài là bậc chuyên hoằng truyền luật, cá nhân ngài cũng nhất tâm nhất ý niệm Phật, gặp ai cũng khuyên niệm Phật. Ngoài ra, như lão pháp sư Đệ Nhân, lão hòa thượng Hư Vân v.v.. không vị nào chẳng chú trọng niệm Phật. Ấy là: 'Giáo diễn bốn tông, hạnh tu tịnh độ' (về giáo pháp, diễn giảng giáo nghĩa của tông mình, về thực hành, tu hạnh Tịnh Độ).

Nói chung, Phật có bảy chúng đệ tử. Một là tì kheo tăng, là người nam xuất gia thọ cụ túc giới. Hai là tì kheo ni, là người nữ xuất gia thọ cụ túc giới. Ba là thức xoa ma na, dịch là học pháp nữ, tức là hạng sa di ni muốn thọ cụ túc giới, trong khoảng mười tám tuổi đến hai mươi tuổi, riêng học sáu pháp (chẳng dâm, chẳng trộm, chẳng nói hư vọng, chẳng uống các thứ rượu, chẳng ăn phi thời (10). Qua được [thời gian trui rèn] ấy, thì được thọ cụ túc giới trở thành tì kheo ni. Bốn là sa di, là người nam sau khi xuất gia thọ mười giới. Năm là sa di ni, là người nữ sau khi xuất gia thọ mười giới. Sáu là ưu bà tắc, người nam tại gia cận sự tam bảo. Bảy là ưu bà di, là người nữ tại gia cận sự tam bảo.

Người tại gia niệm Phật trước hết nên quy y tam bảo, thọ trì năm giới. Thế nào tam bảo? Chính là Phật bảo, pháp bảo, tăng bảo. Phật là như đức giáo chủ thế giới Sa Bà hiện tại là Thích Ca Mâu Ni Phật, cho đến quá khứ chư Phật, hiện tại chư Phật, vị lai chư Phật. Pháp có nghĩa là quy tắc, chính là ngôn giáo được chư Phật nói ra. Tăng có nghĩa là chuyên trì, chính là bậc thiệu long Phật pháp, làm bậc mô phạm cho hàng hậu học. Trong tam bảo lại có tự tánh tam bảo, biệt tướng tam bảo, trụ trì tam bảo.

Tự tánh tam bảo thì chúng sanh vốn trọn đủ, chẳng phải cầu ở bên ngoài. Như cái linh minh giác chiếu của chính mình là Phật bảo. Tịch thường viên tịnh là pháp bảo, dung hòa diệu lạc là tăng bảo. Thế nào là biệt tướng tam bảo? Chính là với tam bảo ấy đều phân biệt người (nhân), pháp, nhơn, quả, tánh, tướng, thể, dụng. Như ba thân của bậc Diệu Giác và Phật đều gọi là Phật. Chơn như lý thể và hết thảy pháp môn phương tiện đều gọi là pháp. Năm mươi địa vị thánh hiền đều gọi là tăng. Thế nào là trụ trì tam bảo? Chính là tam bảo tồn tại trong đời, có thể khiến cho Phật pháp được truyền trì chẳng diệt, làm lợi lạc cho hết thảy chúng sanh trong thế gian, chẳng hạn như: tượng Phật mà chúng ta đang nhìn thấy đây, và xá lợi là

Phật bảo. Kinh, luật, luận tạng được tụng là Pháp bảo. Đồ chúng xuất gia, truyền trì sự nghiệp lợi sanh của Phật là tạng bảo.

Quý vị nên rõ: quy y tam bảo chẳng phải là quy y tam bảo riêng ở bên ngoài mà cần phải quy y tam bảo vốn sẵn trọn có trong tự tánh. Chữ Giác trong chữ Tri Giác dịch từ chữ Phật, có nghĩa là ai nấy đều có giác tánh. Vì vậy, quy y Phật chính là quy y giác tánh của chính mình. Ai ai cũng có thể từ trong giác tánh của chính mình mà lưu xuất diệu lý vô cùng. Quy y pháp chính là quy y chơn như diệu lý của chính mình. Ai ai cũng có thể giữ gìn, tiếp nối diệu lý phát huy từ chơn tánh. Quy y tăng chính là quy y dung hòa diệu tánh duy trì, tiếp nối giác pháp. Phật giáo chẳng giống với các tôn giáo khác, [các tôn giáo khác] chỉ chấp nhận thần là thần, chẳng xem người là thần, con người vĩnh viễn là nô lệ cho thần. Đây chẳng phải là điều hết sức bất bình đẳng ư! Phật giáo nhấn mạnh đến tột bực: Các pháp bình đẳng, chẳng có cao, hạ. Ai ai cũng có giác tánh, ai ai cũng có thể niệm Phật thành Phật. Tuy nhiên, thông thường mà nói, khi quy y thì là quy y trụ trì tam bảo hiện tại, do chỉ có loại tam bảo này để dẫn dắt, chủ yếu là hướng dẫn ta đến chỗ quy y nơi tự tánh tam bảo. Cho đến khi cứu cánh thành Phật, cũng tuyệt đối chẳng phải làm nô lệ cho một vị Phật nào. Đối với điểm này, người niệm Phật phải hiểu thật rõ ràng. Thành Phật tuyệt đối chẳng ai làm thay được cho mình, cũng tuyệt đối chẳng ai ban thưởng cho mình được, mà là tự mình niệm Phật để thành được ông Phật trong tự tánh của mình.

Ngoài tam quy y ra, còn phải vâng giữ ngũ giới thật nghiêm ngặt, để làm trợ hạnh cho việc niệm Phật. Ngũ giới là chẳng sát sanh, chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm, chẳng nói dối, chẳng uống rượu. Chẳng sát sanh là Nhân, chẳng trộm cắp là Nghĩa, chẳng tà dâm là Lễ, chẳng nói dối là Tín, chẳng uống rượu là Trí. Giữ ngũ giới chính thực hành ngũ thường của thế gian. Bởi trong thế gian, cần phải có nhân ái, chẳng nên tàn nhẫn, cần có đạo nghĩa, chẳng nên cường bạo; cần có lễ nghĩa, nhún nhường, chẳng nên dua vạ. Cần phải đáng tin, thành thật, chẳng nên dối lừa. Cần có lý trí, chẳng nên ngu si. Người niệm Phật giữ năm giới chính là vun bồi nhân ái, đạo nghĩa, lễ độ, khiêm nhường, đáng tin, thành thật, lý trí, đáng là bậc chính nhân quân tử trong đời. Lại làm tư lương cho tịnh độ.

Ngoài tam quy, ngũ giới ra, với tứ niệm xứ và tám chánh đạo trong ba mươi bảy phẩm trợ đạo, đều phải thường nên quán niệm. Thế nào là tứ niệm xứ?

Thứ nhất, quán thân bất tịnh: ví dụ như, mỗi một cá nhân đến từ chỗ bất tịnh (do từ âm đạo mà sanh), đi cũng bất tịnh (chết rồi biến thành máu mủ đất bùn), chùng tử bất tịnh (tinh cha, huyết mẹ), trong ngoài bất tịnh (trong là máu thịt gân cốt v.v.. ngoài là tóc lông móng răng.. các thứ bất tịnh), cứu cánh bất tịnh (hết thầy các thứ đều bất tịnh).

Thứ hai, quán thọ là khổ: nói đại khái có tám thứ, tức là sanh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, khổ vì yêu thương mà phải chia lìa, khổ vì mong cầu chẳng được, khổ vì oán ghét mà phải gặp gỡ, khổ vì năm ấm lầy lù. Kể chi tiết thì có vô

lượng các khổ. Ví dụ như, mỗi một người hoặc trong gia đình hay ngoài xã hội, không đâu chẳng có phiền não. Như lời tục thường nói: Việc chẳng như ý thường tám chín phần. Những việc chẳng như ý chẳng vừa lòng mình đều là khổ.

Thứ ba, quán tâm vô thường: tâm niệm sanh diệt trong từng sát na chẳng thường trụ.

Thứ tư, quán pháp vô ngã: hết thấy pháp đều là giả danh, giả tướng, chẳng có chỗ nào là chơn ngã. Nói một cách giản đơn, đây là tứ niệm xứ. Thường quán tưởng những điều ấy sẽ củng cố được cái tin cái tín tâm niệm Phật của chính mình.

Thế nào là bát chánh đạo? Chính là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh mạng. Chánh kiến là chẳng có tà tri kiến. Lại chẳng nên xem những gì chẳng đáng xem, để khỏi ô nhiễm mắt chính mình. Chánh tư duy là chẳng nên suy nghĩ những gì chẳng nên suy nghĩ, để khỏi ô nhiễm tâm thuần khiết của chính mình. Chánh ngữ là chẳng nên nói những gì chẳng nên nói, để khỏi ô nhiễm miệng mình. Chánh nghiệp là việc làm chính đáng. Ví dụ như: người niệm Phật làm việc từ thiện xã hội hoặc y tế: trị lành người bệnh, cứu sống người chết, đây là một nghề nghiệp chính đáng. Lại có những nghề như giết heo, mổ thịt tuy cũng là một nghề, [nhưng như] tục ngữ nói: ‘Người làm tên sợ chẳng đả thương nổi người, kẻ làm giáp lại sợ người bị thương’. Với các nghề nghiệp, phải chọn lấy nghề nghiệp nào tồn đức tích phước mà làm, chẳng nên chọn lấy nghề chẳng chính đáng. Chánh tinh tấn liên quan đến chánh nghiệp: Như người làm các nghề vừa được đề cập ở trên, tuy cùng chăm chỉ như nhau. Nhưng có nghề thì dẫn đến con đường giải thoát thành Phật, có nghề lại dẫn đến con đường đọa lạc ác đạo. Lại có người niệm Phật, ngủ trễ, dậy sớm, dững mẫn tinh tấn [tu hành], thì đây là con đường tiến thẳng đến việc thành Phật. Thế nên, chánh tinh tấn và chẳng chánh tinh tấn thật khác xa nhau! Chử Niệm trong chánh niệm chính là ý niệm của mỗi người. [Ý tưởng] vừa phát động trong tâm ý nhưng chưa biểu hiện ra thì gọi là ý niệm. Chánh niệm là lúc nào cũng lấy thiện tâm, hảo tâm làm điểm xuất phát, tâm chẳng tư hào đua dối, tà vạy. Chánh định là xem xét: hễ việc chánh đáng thì nhất tâm nhất ý thực hành. Những gì là việc tốt chánh đáng? Như niệm Phật là việc tốt chánh đáng, thì nhất tâm nhất ý mà niệm Phật. Niệm tới nhất tâm bất loạn, nhập niệm Phật tam muội, đây là chánh định. Chánh mạng là đem những việc sự việc chánh đáng như vừa nói trên, kiểm điểm thân, miệng, ý của mình, từ đầu tới cuối, ngõ hầu thanh tịnh ba nghiệp thân, miệng, ý, thuận theo chánh pháp mà sanh sống, trọn chẳng làm các việc tà mạng. Cách giải thích bát chánh đạo như vậy, chỉ là để người sơ cơ tin Phật dễ hiểu. Còn nếu bàn thật sâu vào giáo lý, thì chẳng chỉ giản đơn như vậy.

Người niệm Phật ngoại trừ việc nhất tâm nhất ý ra, vì sợ thân tâm phóng dật, và tín, nguyện hạnh chẳng kiên cố, nên thường dùng tứ niệm xứ và tám chánh đạo để kiểm điểm, bó buộc thân tâm mình.

Còn về phương pháp niệm Phật, cũng nên căn cứ theo căn tánh của mình để chọn lựa. Nói chung, chẳng ngoài trì danh niệm Phật, quán tưởng niệm Phật, thật tướng niệm Phật. Lại còn một phương pháp rất mực tiện lợi, đó là phép hô hấp niệm Phật. Lúc hít vào, niệm nam mô A Di, lúc thở ra, niệm Đà Phật. Cách này, chỉ cần trong một hơi thở niệm một hiệu Phật. Lâu dần, thời thời, khắc khắc, đi, đứng, nằm, ngồi chẳng rời một câu A Di Đà Phật. Cách này thật tinh tấn. Lúc lâm chung, lúc hơi thở cuối cùng sắp, hạnh nghiệp cả một đời người cũng nương theo một tiếng niệm Phật trong hơi thở tối hậu mà vãng sanh về Cực Lạc thế giới, được thấy A Di Đà Phật.

Chuyện việc niệm Phật được vãng sanh của hàng xuất gia, tại gia, nam, nữ, lão, ấu, các tướng lành lúc lâm chung đều được ghi chép trong Vãng Sanh Truyện. Các chuyện như vậy chẳng thể nêu trọn. Tôi sau khi xuất gia, chính mắt tôi được thấy hơn hai mươi vị, còn những chuyện được nghe kể lại chẳng thể tính xuể. Bây giờ, để khơi dậy lòng tin nơi mọi người, tôi chỉ kể lại chuyện của ba vị chính tôi được chứng kiến.

Vị xuất gia thứ nhất là pháp sư Tu Vô. Ngài là người Doanh Khẩu, xuất thân là thợ gạch. Do hoàn cảnh sống chẳng khá, công việc lại nhọc nhằn, bởi đó, thấu hiểu cõi thế gian này chỉ có khổ, chẳng vui, nghĩ tìm phương pháp thoát khổ. Sau đấy, nghe người nói pháp niệm Phật rất tốt, liền phát tâm luôn niệm Phật. Sau khi xuất gia, chánh thức được nghe Phật pháp, tâm niệm Phật càng thêm khẩn thiết, gặp ai cũng khuyên niệm Phật. Năm Dân Quốc mười tám (1929), tôi ở tại chùa Cực Lạc nơi tỉnh Cát Nhĩ Tân (Harbin) ở Đông Bắc (Trung Hoa), thỉnh lão pháp sư Đệ Nhàn truyền giới. Có một ngày, có một thầy ở ngoại liên đến bảo tôi rằng: ‘Thầy Tu Vô từ Doanh Khẩu đến, dự định phát tâm tu khổ hạnh trong thời gian truyền giới’. Sau đó, sư được dẫn đến gặp tôi. Tôi hỏi: ‘Ngài sẽ làm gì?’ Sư bảo: ‘Tôi phát tâm hầu hạ bệnh nhân’. Khi ấy, pháp sư Định Tây làm giám viện chùa Cực Lạc, cho sư ở một buồng ở ngoại liên. Sư ở đó chừng mười ngày, lại đến thưa với tôi rằng: ‘Tôi phải đi’. Định Tây pháp sư, có mặt lúc ấy, hỏi: ‘Thầy phát tâm chăm sóc bệnh nhân, sao ở mới mười ngày đã muốn đi? Thật không hằng tâm chi hết!’ Sư Tu Vô trả lời: ‘Tôi chẳng phải đi qua chỗ khác, mà là vãng sanh. Xin giám viện sư từ bi, cho tôi vài trăm cân củi đã chẻ, để thiêu hóa sau khi tôi chết’. Định Tây pháp sư hỏi sư: ‘Khi nào thầy đi?’ Sư Tu Vô đáp: ‘Trong vòng mười ngày nữa!’ Nói rồi lời ấy xong, sư lại trở về buồng mình. Ngày hôm sau, lại đến thưa với tôi và pháp sư Định Tây rằng: ‘Xin tạ từ pháp sư, hôm nay tôi sẽ đi. Xin cho tôi một gian phòng, lại cho vài người niệm Phật tiễn tôi đi’. Pháp sư Định Tây truyền quét dọn một gian phòng trong Công Mộ viện, dùng vài miếng ván sắp thành một cái giường đơn, và ra ngoại liên tuyển một vài vị tăng đến niệm Phật tiễn sư. Khi lâm chung, trước lúc vãng sanh, người hộ niệm nói: ‘Thầy Tu Vô, thầy hôm nay vãng sanh cõi Phật. Lúc lên đường cũng nên làm vài câu thơ hay vài câu kệ để làm kỷ niệm chứ’. Sư Tu Vô nói: ‘Tôi xuất thân thợ thuyền, sanh sống rất cực, chẳng biết làm thơ,

làm kệ chi. Bất quá, tôi có một câu kinh nghiệm để bảo các vị, đó là: Năng thuyết bất năng hành, bất thị chơn trí huệ’ (Nói được làm chẳng được, chẳng phải trí huệ thật). Ai nấy nghe lời sư nói, hiểu rằng tu chứng thật sự. Ngay khi ấy, mọi người cùng đồng thanh niệm Phật. Tu Vô pháp sư ngồi xếp bằng hướng mặt về Tây, cũng niệm Phật. Chừng độ một khắc, liền vãng sanh. Nhà chùa liền chế một cái áo quan đứng, chờ đến trưa liệm ngài. Tuy là lúc khí trời nóng nực, khuôn mặt sư thanh tú dị thường, thân thể không bốc mùi, và chẳng có ruồi nhặng kéo đến. Lão pháp sư Đế Nhân và hết thầy người tín Phật tranh nhau đến viếng, khen là hy hữu. Sau đó, quan tài được đặt lên giàn thiêu nỏ lửa, thiêu đi. Lửa hồng, khói trắng, không chút hôi khét. Sau đấy, lão cư sĩ Phan Đồi Phù nghe chuyện này, đặc biệt đem chuyện pháp sư bình sinh niệm Phật của sư Tu Vô viết thành một truyện ngắn, in ra phát cho mọi người đọc, để biết được gương sáng trong hàng tăng chúng.

Vị thứ hai là cư sĩ Trịnh Tích Tân, người huyện Tức Mặc tỉnh Sơn Đông, là nhà buôn. Nhân xem kinh Phật biết niệm Phật là tốt, liền phát tâm niệm Phật, trọn đời độc thân, Năm Dân Quốc hăm hai (1933), khi được tôi giảng về quy y và điểm tốt đẹp của pháp niệm Phật, tâm niệm Phật của ông càng thành khẩn. Dem hết việc nhà giao cho em trai toàn quyền lo liệu, tự mình chuyên tâm niệm Phật. Sau đấy, ông học và giảng được kinh Di Đà. Mỗi năm, ông đều từ Tức Mặc đến Thanh Đảo một hai ngày, giảng kinh vài lượt cho các thiện hữu ở huyện Bình Độ. Năm Dân quốc hăm tư (1935), Trịnh cư sĩ lại thỉnh tôi tới Bình Độ giảng kinh. Mùa xuân năm Dân Quốc hăm tám (1939), Trịnh cư sĩ lại từ Thanh Đảo sang huyện Bình Độ giảng kinh. Độ hơn hai tuần sau, có người từ huyện Bình Độ đến báo tôi: ‘Lão pháp sư! Ngài biết không. Cư sĩ Trịnh Tích Tân đã về rồi!’ (người Giao Đông gọi chết là về). Tôi nghe lời ấy xong rất ngạc nhiên, tôi bảo: ‘Mới mười ngày trước ông có ghé qua đây vẫn còn rất khỏe, sao lại đi nhanh như thế? Có bệnh gì chẳng? Ông đi như thế nào?’ Người đến thăm tôi nói: ‘Cư sĩ Trịnh Tích Tân giảng xong kinh A Di Đà, người nghe kinh về hết rồi, chỉ còn năm, sáu vị trong ban tổ chức đều là bạn bè của nhau ở lại dùng cơm trưa. Xong bữa, Trịnh cư sĩ nhờ bạn bè mình sắp cho mình một gian phòng, bảo là phải đi. Bạn ông nói: Ông cần phải đi thì cần gì đến phòng? Trịnh cư sĩ nói: Tôi muốn vãng sanh, chỉ sợ chết tại nhà người khác khiến họ kiêng kỵ. Bạn bè của ông nói: Chúng ta quen biết nhiều năm, dù chẳng phải ông vãng sanh cõi Phật, mà nằm bệnh không dậy nổi, chết trong nhà tôi cũng được. Cần gì phải kiếm riêng một căn phòng? Hiện trong nhà tôi có nhiều người tin Phật, niệm Phật, nếu như ông chắc chắn vãng sanh, nên cho người một lòng niệm Phật chúng tôi thấy một tấm gương. Nói lời ấy xong, bạn bè ông liền dành ra hai phòng trong nhà mình, kê một cái giường. Trịnh cư sĩ nói vài câu cáo từ đơn giản với bè bạn, bắt tay nhau, ngồi trên giường hướng về Tây, ngồi khoanh chân, bảo rằng: Cáo biệt các vị, giờ tôi phải đi đây. Chúng ta do cùng tin Phật tu hành, xin các vị niệm Phật tiễn tôi lên đường. Bạn bè chung quanh đáp: Ngài lâm chung sao chẳng nói vài câu kệ để làm kỷ niệm cho tôi? Trịnh cư sĩ nói: Chẳng cần

nói kệ, các vị chỉ cần xem tôi ra đi thanh thản như vậy, các vị cứ làm giống như tôi, thì là kỷ niệm tốt nhất đấy. Nói lời ấy xong, mọi người niệm Phật tiễn ông. Chưa đầy một khắc, liền mỉm cười mà tịch. Bởi đó, cả một giải Bình Độ, người người đều biết niệm Phật là tốt, cũng khiến cho rất nhiều người tin Phật.

Em trai ông Trịnh Tích Tân lúc đầu thấy anh mình vứt bỏ gia nghiệp, dốc lòng niệm Phật, trong tâm chẳng vui. Sau được anh mình đôi lượt khuyên lơn, cũng miễn cưỡng tin Phật, niệm Phật, nhưng chẳng khẩn thiết. Sau đấy, tận mắt thấy anh mình niệm Phật vãng sanh, biết trước thời khắc, tự tại ra đi thanh thản như vậy, hiểu ra niệm Phật trọn chẳng phải là việc dối người, do vậy, cũng nhất tâm nhất ý dốc lòng niệm Phật. Ba năm sau, ông cũng tự biết đến lúc, niệm Phật vãng sanh. Bất quá, lúc lâm chung hơi có chút bệnh, chẳng được vui sướng như anh mình.

Thứ ba, là một vị nữ cư sĩ họ Trương, người ở Thanh Đảo, sanh được một trai, một gái. Gia cảnh rất bần hàn, chồng bà kéo xe ở bến cảng để kiếm sống. Bà Trương sống ở thành phố Thanh Đảo, gần tỉnh xá Trại Sơn. Trong tỉnh xá có lập hội Phật học. Mỗi chủ nhật, tôi từ chùa Trại Sơn đến đó giảng kinh. Các cư sĩ nghe kinh xong lại niệm Phật hết một cây hương. Bà Trương nhờ nhân duyên ấy, quy y tam bảo, được nghe Phật pháp, tin Phật rất sốt sắng, chơn thật, hằng ngày ở nhà niệm Phật. Mỗi chủ nhật liền đem hai con tới hội Phật học nghe kinh. Nghe kinh xong, lại cùng mọi người niệm Phật. Mùa Đông năm Dân Quốc hăm sáu (1927), một sáng thức dậy, bà Trương chợt bảo chồng: Ông chăm sóc con cái tử tế. Hôm nay tôi sẽ vãng sanh cõi Phật. Chồng bà vì ngược xuôi kiếm sống, với Phật pháp chỉ biết chút ít, trừng mắt bảo: Hay nhỉ! Nhà mình nghèo chưa đủ mức sao mà bà còn đi tuồng nữa! Nói xong không thèm ngó tới bà, ra bến cảng kéo xe. Bà Trương lại dặn dò hai con: Mẹ hôm nay sẽ vãng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới, Hai đứa con phải ngoan nghe lời bố, chẳng được hỗn hào! Khi đó, hai đứa con, đứa lớn chưa đầy mười tuổi, đứa nhỏ mới năm, sáu tuổi, nghe lời mẹ nói, cũng chẳng hiểu gì, cứ chạy giỡn ngoài cửa như cũ. Bà Trương dọn nhà cửa ngăn nắp xong, liền rửa mặt, chải tóc. Bởi nhà nghèo, cũng chẳng có áo mới để thay, bèn mặc một áo cũ đã giặt sạch, lên giường, ngòai xếp bằng hướng về Tây, niệm Phật mà vãng sanh. Hai đứa con bà, ở ngoài chơi giỡn một lúc lâu, đói bụng về nhà ăn cơm, thấy mẹ ngòai trên giường, chưa nấu cơm, chạy đến gọi mẹ chẳng nghe đáp, lấy tay lay mẹ thấy chẳng động. Khi ấy, hai đứa con mới biết là mẹ đã chết. Bèn gào khóc chạy sang nhà hàng xóm báo tin. Hàng xóm nghe tin chen tới, thấy bà Trương tuy chết đã lâu, mà vẻ mặt vẫn như sống, đều khen ngợi công phu niệm Phật sâu dày. Sau đó, chồng bà từ bến cảng về, than khóc một hồi. Do nhà nghèo, không biết lấy đất chôn cất, các vị cư sĩ trong Phật học hội góp tiền để ma chay cho bà.

Việc quan trọng nhất trong đời người là Niệm Phật liễu sanh tử! Vô luận ra sao, ai nấy nên tùy theo hoàn cảnh của mình, ráng dành ra chút thời gian, dù rất bận rộn, để tịnh tọa và niệm Phật một chốc. Trong lúc làm việc cũng có thể trong

tâm thâm niệm. Nếu không, suốt ngày dâm, trộm, dối, ăn gian nói dối, tạo các thứ nghiệp, khó khỏi đọa lạc tam đồ, luân hồi sáu nẻo, thật là chịu khổ vô tận. Trong kinh Lăng Nghiêm, Phật dạy: ‘Người nợ mạng ta, ta trả nợ cho người. Bởi nhân duyên ấy, trải qua trăm ngàn kiếp, luôn ở trong sanh tử. Người đẹp lòng ta, ta thích vẻ đẹp của người, do nhân duyên ấy, trải qua trăm ngàn kiếp, luôn bị trói buộc. Chỉ có giết, trộm, dâm ba thứ làm căn bản, do nhân duyên ấy, nghiệp quả tiếp nối’. Xin quý vị suy nghĩ: tạo nghiệp sát, đạo, dâm thật là khổ lắm. Kính khuyên quý vị phải mau niệm Phật. Niệm Phật nhiều, chính là: niệm Phật một tiếng, phước tăng vô lượng. Lễ Phật một lạy, tội diệt hà sa.

Vừa rồi, với điểm hay của niệm Phật, tôi nói thật là tản mạn, đại khái. Còn như nói tỉ mỉ và rõ ràng, thì hãy tham khảo năm kinh Tịnh Độ (11), Tịnh Độ Thập Yếu. Ở đây, tôi chỉ vì khơi gợi lòng tin của mọi người, nên chỉ nói giản đơn. Hy vọng mọi người đã hiểu được chỗ hay của niệm Phật, sẽ đầy đủ tâm chơn tín, đều nhiếp sáu căn, tịnh niệm liên tục, tu hành chơn thật, hết sức chí thành, niệm Phật rờng rặt, tương lai cùng về Tây phương Cực Lạc thế giới tự hội![]

Giảng năm 1950, Canh Dần, ngày mùng một tháng Giêng, tại Hoa Nam Học Phật viện, Hương Cảng. Đệ tử của pháp sư Đàm Hư là Đạo Quang kính ghi

(Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa chuyển ngữ xong ngày 13 tháng 11 năm 2001)

(1) Bộ: thể loại dùng trong kinh điển như trường hàng, luận nghị, cô khởi, kệ tụng...

(2) Hoặc: nguyên nghĩa là làm lạc, lừa dối, nghi ngờ. Thường để chỉ phiền não. Tam hoặc là kiến tư hoặc, trần sa hoặc và vô minh hoặc.

(3) Đói nghiệp vãng sanh: Mang theo nghiệp mà vãng sanh. Chỉ cho người chưa sạch trần cấu, chưa đoạn hết ác nghiệp cũng được vãng sanh.

(4) Sự, lý: Sự là tướng của tất cả thế gian, còn lý là tánh của nhất chân pháp giới (theo Huệ Quang tự điển).

(5) Hiện lượng tâm, quán hiện lượng cảnh: theo Nhân Minh, hiện lượng hay hiện lượng tâm là sự nhận biết chưa thông qua tác dụng phân biệt suy nghĩ. Theo Nhân Minh Nhập Chánh Lý Luận Sơ: ‘Hành tướng năng duyên không động, không lay theo cảnh, tuần tự chiếu soi, không tính toán suy lường, lìa tâm phân biệt, phù hợp với cảnh hiện tiền, làm sáng tỏ tự thể nên gọi là hiện lượng’. Như vậy, quán hiện lượng cảnh chính là quán cảnh được phản chiếu bởi hiện lượng (Theo Huệ Quang tự điển)

(6) Ngũ thường: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

(7) Hiền Thủ tông: tông Hoa Nghiêm. Tông này được ngài Pháp Tạng Hiền Thủ, tổ thứ ba, xiển dương, phát huy mạnh mẽ nên gọi là Hiền Thủ tông. Tông này còn gọi là Pháp giới tông, Viên Minh Cụ Đức tông.

(8) Từ Ân tông: Duy Thức tông còn được gọi là Từ Ân tông do khai tổ tông này là pháp sư Khuy Cơ, đệ tử của pháp sư Huyền Trang là thượng tọa chùa Từ

Ân. Chùa Từ Ân là đạo tràng ngài Huyền Trang dịch 40 bộ kinh. Chùa nay thuộc thành phố Tây An, tỉnh Thiểm Tây.

(9) Vô Bản tôn giả: tôn giả A Nậu Lô Đà

(10) Ăn phi thời: ăn không đúng giờ.

(11) Năm kinh Tịnh Độ: là kinh Quán Vô Lượng Thọ, kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên trong kinh Hoa Nghiêm và chương Thế Chí Viên Thông Niệm Phật của kinh Lăng Nghiêm.